

Bản án số: 309/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thái Thục Hiền.

2. Bà Hoàng Ngọc Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Ngọc M**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: **Số A đường N, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.** (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: **Căn hộ S, tầng C, Block A, Khu C, số H - H đường T, Khu phố A, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.** (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Hoàng Thị P**, sinh năm 1983. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Số A đường N, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông **Trần Ngọc M** trình bày:

Ngày 11/9/2019, ông **Trần Ngọc M** cho bà **Nguyễn Thị C** mượn số tiền 1.000.000.000 đồng để mua bất động sản, thời hạn trả 10 ngày, ông **M** đã chuyển khoản vào tài khoản của bà **C** tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** theo Giấy báo nợ ngày 11/9/2019 của **Ngân hàng P1**. Đến hạn trả nợ ngày 21/9/2019 bà **C** không trả cho ông **M** khoản tiền nào.

Ngày 23/10/2019, bà **C** trả cho ông **M** số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông **M** tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** theo Giấy báo có ngày 23/10/2019 của **Ngân hàng P1**.

Do không thể thanh toán đúng hạn nên ngày 27/11/2019, bà **C** lập Giấy mượn tiền với nội dung đã mượn của ông **M** số tiền 800.000.000 đồng, cam kết trong thời hạn 02 tháng sẽ trả toàn bộ khoản nợ.

Từ ngày 27/01/2020 đến nay, bà **C** không thanh toán cho ông **M** bất kỳ khoản tiền nào.

Do đó, ông **M** khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân Quận 8 giải quyết:

Yêu cầu Bị đơn bà **Nguyễn Thị C** trả cho ông **M** số tiền 1.162.739.726 (một tỷ, một trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng. Trong đó:

+ Tiền nợ gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng;

+ Tiền lãi trên tiền nợ gốc với lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày 27/01/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày xét xử sơ thẩm là 08/8/2024 là: $800.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1.655 \text{ ngày} = 362.739.726$ (ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

Nguyên đơn chỉ cho một mình cá nhân bị đơn bà **Nguyễn Thị C** vay số tiền này, do đó chỉ yêu cầu một mình bà **C** có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu bên thứ ba nào khác liên đới trả nợ. Yêu cầu bà **C** thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà **C** có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho ông **M** cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn tự nguyện chịu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị P** trình bày:

Số tiền 800.000.000 đồng ông **M** cho bà **C** vay là tài sản riêng của ông **M**, việc ông **M** cho bà **C** vay là thoả thuận riêng của hai bên, bà không liên quan và

không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn tự nguyện chịu.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân các cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn ông **Trần Ngọc M** có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà **Nguyễn Thị C** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXXST-DS ngày 22/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-DS ngày 08/8/2024; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà **Nguyễn Thị C** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **Nguyễn Thị C** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị P** có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Ngọc M**. Yêu cầu bị đơn bà **Nguyễn Thị C** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **M** số tiền 1.162.739.726 (một tỷ, một trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi chín

ngàn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng; tiền lãi là 362.739.726 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà **C** có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

+ Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn tự nguyện chịu lệ phí thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

+ Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông **Trần Ngọc M**, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị P** đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị C** đã được Tòa án triệu tập họp lệ để cung cấp lời khai, chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông **Trần Ngọc M** khởi kiện yêu cầu bị bà **Nguyễn Thị C** phải trả cho ông số tiền 1.162.739.726 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi là 362.739.726 đồng.

Đây là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà **Nguyễn Thị C** cư trú tại **Quận H** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ Giấy mượn tiền lập ngày 27/11/2019 của bà Nguyễn Thị C, Giấy báo nợ ngày 11/9/2019 của Ngân hàng P1, Giấy báo có ngày 23/10/2019 của Ngân hàng P1 cùng lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định:

Ngày 11/9/2019, ông Trần Ngọc M cho bà Nguyễn Thị C mượn số tiền 1.000.000.000 đồng để mua bất động sản, thời hạn 10 ngày, ông M đã chuyển khoản vào tài khoản của bà C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Giấy báo nợ ngày 11/9/2019 của Ngân hàng P1.

Ngày 23/10/2019, bà C trả cho ông M số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông M tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Giấy báo có ngày 23/10/2019 của Ngân hàng P1.

Do chưa sắp xếp được tiền để trả cho ông M nên ngày 27/11/2019, bà C lập Giấy mượn tiền với nội dung xác nhận đã mượn của ông M số tiền 800.000.000 đồng với mục đích mua bất động sản, cam kết trong thời hạn 02 tháng sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không lãi suất theo đúng quy định tại Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi:

Căn cứ Giấy mượn tiền lập ngày 27/11/2019 của bà Nguyễn Thị C thể hiện:

“ ...

Đến hôm nay ngày 27/11/2019 tôi chưa sắp xếp được số tiền để trả cho ông Trần Ngọc M. Nay tôi làm giấy này cam kết trả số tiền 800.000.000 đồng đó cho ông M trong vòng 02 tháng kể từ ngày ký.

... ”.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ngày 26/01/2020 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến thời điểm khởi kiện, bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, căn cứ quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi từ ngày

27/01/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày 08/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 800.000.000 đồng x 10%/năm x 1.655 ngày = 362.739.726 đồng.

[3.3] Về phương thức thanh toán:

Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định toàn bộ số tiền ông **M** cho bà **C** vay là tài sản riêng của cá nhân ông **M**, số tiền này không liên quan đến bên thứ ba nào khác và bà chỉ cho cá nhân bà **C** vay, chỉ yêu cầu một mình bà **C** có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu bên thứ ba nào khác có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên buộc một mình cá nhân bà **C** có nghĩa vụ trả tiền cho ông **M**.

Căn cứ quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, số tiền nợ nêu trên đã kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của ông **M** về việc buộc bà **C** có nghĩa vụ thanh toán 01 lần toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về lệ phí thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Ngọc M** được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà **Nguyễn Thị C** có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

H lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn ông **Trần Ngọc M**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 117; Điều 357; Điều 401; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Ngọc M.**

Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị C** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông **Trần Ngọc M** tổng cộng số tiền 1.162.739.726 (một tỷ, một trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng. Trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

- Tiền lãi từ ngày 27/01/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày 08/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 362.739.726 (ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về lệ phí thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn ông **Trần Ngọc M** tự nguyện chịu.

3. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.882.192 (bốn mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, một trăm chín mươi hai) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

H lại cho ông **Trần Ngọc M** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0036585 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Ông **Trần Ngọc M**, bà **Nguyễn Thị C**, bà **Hoàng Thị P** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thắng